

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-12-2020

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kiều Diễm**

**Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Tiền**

**Ông Nguyễn Minh Hoàng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Mộng Nghi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Thai - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 552/2020/TLST–HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020, về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị Kiều T**, sinh năm 1996, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 03/11/2020.

**- Bị đơn:** Anh **Phan Văn G**, sinh năm 1987, (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Anh G đề nghị xét xử vắng mặt, đơn đề ngày 02/11/2020.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Văn G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/2018. Trong thời gian chung sống với nhau cũng thường xuyên bất đồng quan điểm, phát sinh nhiều mâu thuẫn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, sau khi cưới nhau được 03 tháng thì Anh G phạm tội và bị bắt, đang chấp hành hình phạt 14 năm. Nay chị không còn tình cảm với Anh G nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống chị và Anh G có một con chung tên Phan Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/02/2019, cháu K hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu Anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định chị và Anh G không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn G trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2020:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Kiều T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/2018. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hiện nay anh đang đi chấp hành án, do cuộc sống hôn nhân hôn nhân không đạt được nên Chị yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác định anh và Chị T có 01 con chung tên Phan Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/02/2019, cháu Khiện do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng; khi ly hôn anh đồng ý giao con Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và Chị T không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 28, 35, 39, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và

Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Phan Văn G; giao cháu Phan Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/02/2019 cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, Chị T và Anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung, các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn G, Anh G đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp L, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Phan Văn G có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị T và anh G.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kiều T yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn G, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và Anh G xác định anh, chị tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu và được Ủy ban nhân dân xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/8/2018 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Chị T và Anh G trong thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, do cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn tình cảm với nhau nên Chị T yêu cầu ly hôn, Anh G cũng đồng ý ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Phan Văn G.

[4] Về con chung: Chị T và Anh G thống nhất xác định anh, chị có 01 con chung Phan Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/02/2019, cháu K hiện do Chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị T và Anh G thống nhất giao con cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao cháu Phan Nguyễn Anh K, sinh

ngày 23/02/2019, cho Chị T tiếp tục nuôi dưỡng, Chị T và Anh G không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyễn Thị Kiều T và anh Phan Văn G xác định chị và anh không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, khoản 1 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Phan Văn G.

2. Về con chung: Giáo cháu Phan Nguyễn Anh K, sinh ngày 23/02/2019 cho chị Nguyễn Thị Kiều T tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Phan Văn G không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Anh Phan Văn G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu. Chị đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008010 ngày 30/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Phan Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Phạm Kiều Diễm**